

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 60/2020/DS-PT
Ngày 17 - 6 - 2020
V/v tranh chấp quyền sử dụng đất

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Lệ Kiều

Các Thẩm phán:

Ông Trương Thanh Dũng

Bà Châu Minh Nguyệt

- Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Văn Hùng - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Nhỏ - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 131/2019/TLPT-DS ngày 11 tháng 12 năm 2019 về việc tranh chấp quyền sử dụng đất.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 57/2019/DS-ST ngày 27 tháng 9 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Bạc Liêu bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 11/2020/QĐ-PT ngày 17 tháng 01 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1962 (có mặt)

Địa chỉ: Số 165A/4, Đường 23/8, Khóm 2, Phường 7, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

- Bị đơn: Ông Chiêm Văn K, sinh năm 1962 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp Tân T, thị trấn Châu H, huyện V, tỉnh Bạc Liêu

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Chị Huỳnh Nguyễn Tú N, sinh năm 1993

Địa chỉ: Số 165A/4, Đường 23/8, Khóm 2, Phường 7, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

Người đại diện theo ủy quyền của chị Huỳnh Nguyễn Tú N: Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1962; địa chỉ: Số 165A/4, Đường 23/8, Khóm 2, Phường 7, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu. (Có mặt)

2. Bà Đặng Châu H, sinh năm 1976

3. Anh Chiêm Đặng K, sinh năm 1987
4. Anh Chiêm Đặng Quốc T, sinh năm 1989 (vắng mặt)
5. Anh Chiêm Đặng Quốc T1, sinh năm 1991
6. Anh Chiêm Đặng Tứ Q, sinh năm 1996

Cùng địa chỉ: Ấp Tân T, thị trấn Châu H, huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Đặng Châu H, anh Chiêm Đặng Khải, anh Chiêm Đặng Quốc T, anh Chiêm Đặng Tứ Q: Ông Chiêm Văn K, sinh năm 1962; địa chỉ: Ấp Tân T, thị trấn Châu H, huyện V, tỉnh Bạc Liêu (có mặt).

7. Ủy ban nhân dân huyện V, tỉnh Bạc Liêu (có đơn xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp Xẻo C, thị trấn Châu H, huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn bà Nguyễn Thị N.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị N trình bày: Vào năm 2004, bà Nguyễn Thị N có nhận chuyển nhượng của ông Chiêm Văn K phần đất ngang 10m x dài 67m (đã trừ 05m hành lang lộ giới) tại thửa 165, tờ bản đồ số 18; tọa lạc tại Ấp Tân T, thị trấn Châu H, huyện V, tỉnh Bạc Liêu. Khi nhận chuyển nhượng diện tích đất nêu trên, thì ông K có chừa phần đất thuộc thửa 195, tờ bản đồ số 18 (phần đất giáp ranh với địa phận Phường 7, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu), không chuyển nhượng cho bà N. Bà N đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo đúng hiện trạng đất đã thỏa thuận chuyển nhượng. Vào năm 2017, khi bà N chuẩn bị san lấp mặt bằng, có đo đạc lại đất thì ông K cho rằng ông K chuyển nhượng cho bà N 10m ngang đất tính từ phần đất của thửa 195 giáp ranh địa phận Phường 7, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu kéo qua thửa 165, tờ bản đồ số 18 của ông K và ông K đã xây dựng nhà phụ trên một phần đất chuyển nhượng cho bà N. Nay bà N yêu cầu ông K phải tháo dỡ nhà và giao trả cho bà N phần đất theo đo đạc thực tế là 158,4m².

Theo bị đơn ông Chiêm Văn K; đồng thời là người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Đặng Châu H, Chiêm Đặng K1, Chiêm Đặng Quốc T1, Chiêm Đặng Tứ Q và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Chiêm Đặng Quốc T trình bày: Ông K, bà H, anh K1, anh Q, anh T1 và anh T không đồng ý tháo dỡ nhà và giao trả cho bà N phần đất theo đo đạc thực tế là 158,4m² với lý do thửa đất 195 là đất của ông K và khi chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho bà N thì ông K chuyển nhượng từ phần đất của thửa 195 giáp ranh địa phận Phường 7, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu kéo dài qua thửa 165, tờ bản đồ số 18 của ông K, ông K không lấn chiếm đất của bà N.

Người đại diện hợp pháp theo pháp luật và người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân huyện Vĩnh L, ông Từ Minh P và ông Huỳnh Bá T, xác định: Phần đất giáp ranh đất của Phường 7, thành phố Bạc Liêu trên tờ bản đồ số 18 có thể hiện đây là con kênh thủy lợi, không có giải thửa. Phần đất tranh chấp là một phần thửa 165, tờ bản đồ số 18, đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông K và đến năm 2004 thì được

lập thành thửa mới số 194 do chuyển nhượng cho bà Nga. Ngày 04/6/2004, Ủy ban nhân dân huyện V đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ bà N với diện tích 670m² gồm 80m² đất thổ cư và 590m² đất vườn tạp (trừ 05m giáp mép lộ nông thôn không cấp giấy), thời điểm cấp giấy có đo đạc thực tế chiều ngang 10m x chiều dài 67m. Thời điểm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ bà Nga có thể hiện phần đất bảo lưu sông nhưng theo quy định hiện hành thì tuyến sông này không còn quy định trừ bảo lưu nên khi có căn cứ chấp nhận yêu cầu của đương sự thì Tòa án tuyên giao đất cho đương sự quản lý, sử dụng theo quy định của pháp luật. Đối với tuyến kênh thủy lợi giáp với thửa đất số 194, tờ bản đồ số 18 (và giáp ranh địa phận Phường 7, thành phố B) không còn quy hoạch vào mục đích công trình công cộng. Do đó, khi giải quyết vụ án, Tòa án căn cứ các quy định của pháp luật tuyên giao cho một trong các bên đương sự được quyền sử dụng đất. Khi đương sự thực hiện đăng ký xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất phải thực hiện nghĩa vụ tài chính theo quy định.

Từ nội dung trên, tại Bản án dân sự sơ thẩm số 57/2019/DS-ST ngày 27 tháng 9 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Bạc Liêu quyết định:

Căn cứ vào khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a, c khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 165, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 163, 164, 166 Bộ luật Dân sự; Điều 203 Luật Đất đai; điểm b khoản 1 Điều 24; khoản 4 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và tiêu mục 1.1 Phần II mục A Danh mục án phí, lệ phí Tòa án (Ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016):

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị N đối với ông Chiêm Văn K về việc yêu cầu ông Chiêm Văn K giao trả diện tích đất 158,4m² thuộc một phần của thửa 194, tờ bản đồ số 18; tọa lạc tại ấp Tân T, thị trấn Châu H, huyện V, tỉnh Bạc Liêu theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Y 535272 (Vào sổ cấp giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số 04573 QSDĐ) do Ủy ban nhân dân huyện V cấp cho hộ bà Nguyễn Thị N vào ngày 04 tháng 6 năm 2004. (Có vị trí, số đo kèm theo)

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị N đối với ông Chiêm Văn K về việc yêu cầu ông Chiêm Văn K tháo dỡ nhà và tài sản trên diện tích đất 158,4m² thuộc một phần của thửa 194, tờ bản đồ số 18; tọa lạc tại ấp Tân T, thị trấn Châu H, huyện V, tỉnh Bạc Liêu theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Y 535272 (Vào sổ cấp giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số 04573 QSDĐ) do Ủy ban nhân dân huyện V cấp cho hộ bà Nguyễn Thị N vào ngày 04 tháng 6 năm 2004.

3. Buộc ông Chiêm Văn K, bà Đặng Châu H, anh Chiêm Đặng K1, anh Chiêm Đặng Quốc T1, anh Chiêm Đặng Tứ Q và anh Chiêm Đặng Quốc T phải giao trả cho bà Nguyễn Thị N và chị Huỳnh Nguyễn Tú N giá trị diện tích đất 158,4m² thuộc của thửa 194, tờ bản đồ số 18; tọa lạc tại ấp Tân T, thị trấn Châu H, huyện V, tỉnh Bạc Liêu theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Y 535272

(Vào sổ cấp giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số 04573 QSDĐ) do Ủy ban nhân dân huyện V cấp cho hộ bà Nguyễn Thị N vào ngày 04 tháng 6 năm 2004 với số tiền 55.440.000 đồng.

Giao cho ông Chiêm Văn K, bà Đặng Châu H, anh Chiêm Đặng K1, anh Chiêm Đặng Quốc T1, anh Chiêm Đặng Tứ Q và anh Chiêm Đặng Quốc T được quyền sử dụng diện tích đất 158,4m² thuộc của thửa 194, tờ bản đồ số 18; tọa lạc tại ấp Tân T, thị trấn Châu H, huyện V, tỉnh Bạc Liêu theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Y 535272 (Vào sổ cấp giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số 04573 QSDĐ) do Ủy ban nhân dân huyện V cấp cho hộ bà Nguyễn Thị N vào ngày 04 tháng 6 năm 2004. (Có vị trí, số đo kèm theo)

4. Bà Nguyễn Thị N, chị Huỳnh Nguyễn Tú N, ông Chiêm Văn K, bà Đặng Châu H, anh Chiêm Đặng K1, anh Chiêm Đặng Quốc T1, anh Chiêm Đặng Tứ Q và anh Chiêm Đặng Quốc T có trách nhiệm đến cơ quan có thẩm quyền điều chỉnh, cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất được công nhận nêu trên.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, án phí, Luật thi hành án dân sự và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định pháp luật.

Ngày 10 tháng 10 năm 2019, bà Nguyễn Thị N kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết: Buộc ông Chiêm Văn K trả cho bà diện tích đất 158,4m², bà không đồng ý nhận giá trị, yêu cầu xem xét lại toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông K đồng ý tự tháo dỡ căn nhà tiền chế trả đất cho bà N, không yêu cầu bà N hỗ trợ nhưng đến ngày 01/3/2021 ông sẽ tháo dỡ căn nhà tiền chế để trả đất cho bà N. Đối với các phần đất không có xây dựng ông K đồng ý trả theo yêu cầu của bà N. Bà N đồng ý cho ông K đến ngày 01/3/2021 phải tháo dỡ phần nhà tạm trên phần đất tranh chấp.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật: Từ khi thụ lý đến thời điểm trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án thấy rằng Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Quá trình giải quyết Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng cho đương sự và Viện kiểm sát đúng theo quy định. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa phúc thẩm.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 300, khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Nga, sửa một phần Bản án sơ thẩm số 57/2019/DS-ST ngày 27/9/2019 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Bạc Liêu theo hướng buộc ông Chiêm Văn K tháo dỡ căn nhà tạm trả phần đất tranh chấp có diện tích 158,4m² cho bà Nguyễn Thị N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu toàn bộ các tài liệu, chứng cứ có lưu trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội

đồng xét xử nhận định:

[2] Xét đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thị N nộp trong hạn luật định và nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đúng quy định. Căn cứ vào Điều 273 và Điều 276 của Bộ luật Tố tụng dân sự, được chấp nhận xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

[3] Xét yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị N yêu cầu buộc ông Chiêm Văn K trả cho bà diện tích đất 158,4m², bà không đồng ý nhận giá trị. Hội đồng xét xử, nhận thấy:

[4] Phần đất tranh chấp theo biên bản đo đạc, xem xét thẩm định tại chỗ ngày 19 tháng 01 năm 2018 có tổng diện tích 158,4m², tọa lạc tại ấp Tân T, thị trấn Châu H, huyện V, tỉnh Bạc Liêu. Hiện trạng phần đất tranh chấp có 01 phần căn nhà phụ tiền chế, vách thiếc ngang 02m dài 17m, tổng diện tích 34m² do gia đình ông Khụng xây dựng vào năm 2012.

[5] Ông Chiêm Văn K và bà Nguyễn Thị N đều thống nhất nguồn gốc phần đất tranh chấp nêu trên là của gia đình ông K, nhưng ông K đã chuyển nhượng cho bà N vào năm 2004, khi chuyển nhượng thì hai bên có chỉ ranh và ông K là người làm thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho bà N.

[5.1] Bà Nga xác định phần đất chuyển nhượng ngang 10m x dài 72m (trong đó có 05m đất bảo lưu sông), tính từ giáp ranh đất ông K qua hướng Phường 7 đến kênh thủy lợi (không bao gồm kênh thủy lợi); Ông K xác định phần đất chuyển nhượng ngang 10m là đo từ giáp ranh Phường 7 qua hướng nhà ông (tính luôn kênh thủy lợi khoảng 02m). Tuy nhiên, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ ông Khụng có diện tích 1.301m² tại thửa 165, tờ bản đồ số 18, thì không bao gồm phần đất thuộc kênh thủy lợi. Do đó, tại thời điểm ông K chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho bà N năm 2004, thì ông K cũng chưa được nhà nước công nhận quyền sử dụng đất đối với phần đất thuộc tuyến kênh thủy lợi nên ông K không có quyền chuyển nhượng phần đất này cho bà N.

[5.2] Đồng thời, khi Ủy ban nhân dân huyện V cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà N thì không cấp phần đất thuộc con kênh thủy lợi mà chỉ cấp cho bà N tính từ phần đất giáp ranh với phần đất thuộc tuyến kênh thủy lợi với thửa đất 194, tờ bản đồ số 18 và giáp ranh địa phận Phường 7, nhưng ông K không có ý kiến phản đối. Mặc khác. Tại công văn số 114/TNMT ngày 30/8/2019 của Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện V xác định con kênh thủy lợi không có giải thửa, nên không cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ai.

[5.3] Do đó, Tòa cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà N về việc yêu cầu ông K giao trả cho bà N phần đất tranh chấp có diện tích 158,4m² là có căn cứ.

[6] Tại phiên tòa phúc thẩm, ông K đồng ý tự tháo dỡ căn nhà tiền chế trả đất cho bà N, không yêu cầu bà N hỗ trợ nhưng đến ngày 01/3/2021 ông sẽ tháo dỡ căn nhà tiền chế để trả đất cho bà N. Đối với các phần đất không có xây dựng ông K đồng ý trả theo yêu cầu của bà N. Bà N đồng ý cho ông K đến ngày 01/3/2021 phải tháo dỡ phần nhà tạm trên phần đất tranh chấp. Xét thấy, việc thỏa thuận của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không

trái đạo đức xã hội, nên được Hội đồng xét xử công nhận.

[7] Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản 1.450.000 đồng, ông K phải chịu. Bà N đã dự nộp 1.450.000 đồng nên ông K phải hoàn trả cho bà N 1.450.000 đồng.

[8] Từ những phân tích trên, có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Thị N và đề nghị của Kiểm sát viên; sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 57/2019/DS-ST ngày 27 tháng 9 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

[9] Các phần khác của bản án dân sự sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị được giữ nguyên và đã có hiệu lực pháp luật.

[10] Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị N không phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 300, khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a, c khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 165, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 163, 164, 166 Bộ luật Dân sự; Điều 203 Luật Đất đai; điểm b khoản 1 Điều 24; khoản 4 Điều 26, khoản 5 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Thị N; sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 57/2019/DS-ST ngày 27 tháng 9 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

Tuyên xử:

1. Công nhận sự thỏa thuận giữa bà Nguyễn Thị N với ông Chiêm Văn K về việc về việc yêu cầu ông Chiêm Văn K giao trả diện tích đất 158,4m² thuộc một phần của thửa 194, tờ bản đồ số 18; tọa lạc tại ấp Tân T, thị trấn Châu H, huyện V, tỉnh Bạc Liêu theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Y 535272 (Vào sổ cấp giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số 04573 QSDĐ) do Ủy ban nhân dân huyện V cấp cho hộ bà Nguyễn Thị N vào ngày 04 tháng 6 năm 2004. Đất có vị trí, số đo cụ thể như sau:

Hướng Đông giáp với phần đất ông Trương Văn Đ đang sử dụng 2,2m;

Hướng Tây giáp với lộ nhựa 2,2m;

Hướng Nam giáp với phần đất bà Nguyễn Thị N đang sử dụng 72m;

Hướng Bắc giáp với phần đất ông Chiêm Văn K đang sử dụng 72m.

Trong đó:

1.1. Buộc ông Chiêm Văn K, bà Đặng Châu H, anh Chiêm Đặng K1, anh Chiêm Đặng Quốc T1, anh Chiêm Đặng Tứ Q và anh Chiêm Đặng Quốc T đến hết ngày 01/3/2021 phải tháo dỡ căn nhà phụ giao trả phần đất ngang 2m x dài 17m có diện tích 34m² cho bà Nguyễn Thị N và chị Huỳnh Nguyễn Tú N.

1.2. Đối với phần đất trống có diện tích 124,4m² buộc ông Chiêm Văn K, bà Đặng Châu H, anh Chiêm Đặng K1, anh Chiêm Đặng Quốc T1, anh Chiêm Đặng Tứ Q và anh Chiêm Đặng Quốc T giao trả cho bà Nguyễn Thị N và chị Huỳnh Nguyễn Tú N kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Hai diện tích trên (1.1 và 1.2) thuộc thửa 194, tờ bản đồ số 18; tọa lạc tại ấp Tân T, thị trấn Châu H, huyện V, tỉnh Bạc do hộ bà Nguyễn Thị N đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. (Kèm theo bản trích đo hiện trạng phần đất tranh chấp).

2. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản, ông Chiêm Văn K phải chịu 1.450.000 đồng. Bà Nguyễn Thị N đã nộp 1.450.000 đồng, nên ông Chiêm Văn K có trách nhiệm hoàn trả cho bà Nguyễn Thị N 1.450.000 đồng.

3. Về án phí:

3.1. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Chiêm Văn K phải chịu 300.000 đồng. Bà Nguyễn Thị N không phải chịu, bà Nga đã nộp tạm ứng án phí số tiền 1.300.000 đồng theo các Biên lai thu số 0004456 ngày 05/9/2017 và số 0009498 ngày 06/8/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Bạc Liêu, được hoàn lại đủ.

3.2. Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị N phải chịu 300.000 đồng. Bà Nguyễn Thị N đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm số tiền 300.000 đồng theo Biên lai thu số 0005024 ngày 10/10/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Bạc Liêu được chuyển thu án phí.

4. Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDCC tại TP. HCM;
- VKSND tỉnh Bạc Liêu;
- TAND huyện V;
- CCTHADS huyện V;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ, Tổ HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký tên và đóng dấu)

Nguyễn Lệ Kiều